

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SYRUP 1883 CARMEL - 100CL
- SI RÔ CARAMEN

SỐ: 48/LEGIA/2024

Lần ban hành: 01

Lần sửa đổi: 00

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 48/LEGIA/2024

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA

Địa chỉ: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 089 999 958

E-mail: Nguyenlieulegia@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0314046502

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SYRUP 1883 CAMEL - 100CL - SI RÔ CARAMEN

2. Thành phần: Đường mía, nước, hương liệu tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid: acid citric INS 300, phẩm màu: caramen INS 150a.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất (xem trên bao bì sản phẩm)
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì trước hạn sử dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất lượng bao bì:** Sản phẩm đóng gói trực tiếp trong chai thủy tinh bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- **Quy cách đóng gói:** 1000ml hoặc theo yêu cầu của thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Xuất xứ: Pháp
- + Sản xuất tại: ROUTIN Z.I. de L'Erier.
- + Địa chỉ: 713 rue Denis Papin, 73290 La Motte Servolex

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2024

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN



Lê Minh Thiện

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: SYRUP 1883 CAMEL - 100CL - SI RÔ CAMEL

Thành phần: Đường mía, nước, hương liệu tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid: acid citric INS 300, phẩm màu: caramen INS 150a.

Ngày sản xuất: xem trên bao bì sản phẩm

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Làm nguyên liệu thực phẩm. Pha chế đồ uống theo tỷ lệ 1 phần si rô 9 phần nước.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với thành phần của sản phẩm.

Không sử dụng sản phẩm quá hạn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát

Đậy nắp sau khi sử dụng và sử dụng hết trong vòng 2 tháng.

Khối lượng tịnh: 1000ml hoặc theo yêu cầu của thị trường

Xuất xứ: Pháp

+ Sản xuất tại: ROUTIN Z.I. de L'Erier.

+ Địa chỉ: 713 rue Denis Papin, 73290 La Motte Servolex

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

+ Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA

Địa chỉ: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Email: Nguyenlieulegia@gmail.com

Tự công bố số: 48/LEGIA/2024

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM





Mã số/ Code
BN 4112472-06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 17/07/2024
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu/ Name of Sample: SYRUP 1883 CARAMEL - 100CL - SI RÔ CARAMEN
 Ký hiệu mẫu/ Sample Mark: -
 Số lượng mẫu/ Quantity: 01
 Tình trạng mẫu/ Sample description: Mẫu nguyên vẹn, chứa trong chai thủy tinh kín
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 09/07/2024
 Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 09/07/2024 - 17/07/2024
 Đơn vị gửi mẫu/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA
 Địa chỉ/ Address: 266 đường kênh 19/5B, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 Kết quả thử nghiệm/ Test results: Xem trang 02/02

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

LÊ TRỌNG NHÂN

ĐẠI DIỆN VIỆN

On behalf of the Institute



LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Tested by Subcontract.
- (c) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample and customer are written as customer's request.
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chiểu district, Da Nang city

Tel: 0236.6562929

Fax: 0236.3617519

BM.06/QT.08/PQI*03/01/2022

Lần sửa đổi: 00



Mã số/ Code
BN 4112472-06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 17/07/2024
Trang/ Page: 02/02

TT/ No.	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	
	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	CFU/g	
2	Coliform (*)	MPN/g	TCVN 4882:2007	0
3	Escherichia coli giả định (*)	MPN/g	TCVN 6846:2007	0
4	Clostridium perfringens (*)	CFU/g	TCVN 4991:2005	< 10(#)
5	Staphylococcus aureus (*)	MPN/g	TCVN 4830-3:2005	0
6	Tổng số nấm men và nấm mốc (*)	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	< 10(#)
7	Vi khuẩn đường ruột (Streptococci faecal) (*)	CFU/g	Ref. TCVN 6189-2:2009	Không phát hiện
8	Pseudomonas aeruginosa (*)	CFU/g	Ref. TCVN 8881:2011	Không phát hiện
9	Hàm lượng Chì (Pb) (*)	mg/kg	TCVN 10643:2014	Không phát hiện (< 0,05)

Ghi chú: (#) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (với lượng dịch cấy là 1 ml/đĩa) nếu không có khuẩn lạc đặc trưng mọc trên đĩa khi pha loãng mẫu 10 lần.

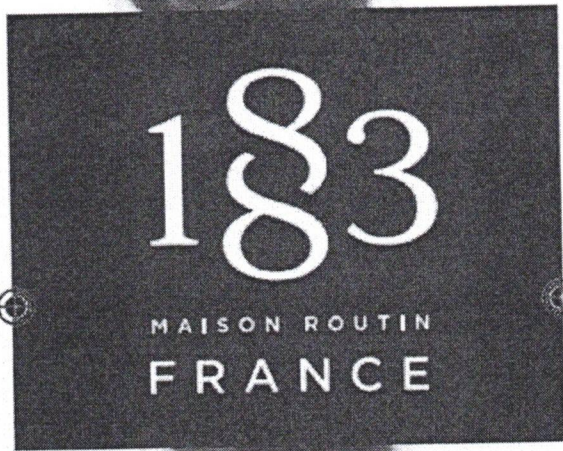
- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Tested by Subcontract.
- (c) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample and customer are written as customer's request.
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

**BẢN DỊCH
TRANSLATION**

1883
MAISON ROUTIN
PHÁP

SIRO
CARMEL

1L - 33.8 FL OZ



SIROP / SYRUP

CARMEL

1L - 33.8 FL OZ

1883

MAISON ROUTIN
FRANCE

SAVOIR-FAIRE DES ALPES FRANÇAISES
EXPERTISE FROM THE FRENCH ALPS

1883 Maison Routin élabore et produit dans son berceau naturel, les Alpes françaises, les sirops 1883 reconnus pour leur justesse, leur pureté et leur intensité aromatiques.

1883 Maison Routin creates and produces in the brand's all-natural birthplace in the French Alps, 1883 syrups recognized for their authenticity, purity and aromatic intensity.

Sirop Saveur Caramel Caramel Syrup

(FR) Ingrédients : sucre de canne, eau, arôme, acidifiant : acide citrique, colorant : caramel ordinaire.

(EN) Ingredients: cane sugar, water, flavouring, acid: citric acid, colouring: plain caramel.

A consommer de préférence avant : voir sur la bouteille. A conserver dans un endroit frais et sec.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

- ✓ NATURAL COLOUR
- ✓ NO PRESERVATIVES



1/5 MADE IN FRANCE by ROUTIN
Z.I. de L'Erier - 713 rue Denis Papin
73290 La Motte Servolex - www.1883.com

1883
MAISON ROUTIN
PHÁP

THƯƠNG HIỆU TỪ DÃY NÚI ALPS CỦA PHÁP

Maison Routin, thành lập năm 1883, sản xuất siro 1883 tại vùng đất tự nhiên của thương hiệu ở dãy núi Alps của Pháp. Siro 1883 nổi tiếng với chất lượng, nguyên chất và hương vị đậm đà.

SIRO CARAMEL

Thành phần: Đường mía, nước, hương liệu, axit: axit citric, chất tạo màu: caramen nguyên chất.

Hạn sử dụng: xem trên chai. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

- ✓ MÀU SẮC TỰ NHIÊN
- ✓ KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN

CHỨNG NHẬN HALAL	KHÔNG GLUTEN	KHÔNG HFCS	KSA KOSHER	Thích hợp cho người ăn chay
				1+9 227003 1000 ML

SẢN XUẤT TẠI PHÁP bởi ROUTIN
Z.I. de L'Erier • 713 rue Denis Papin
73290 La Motte Servolex - www.1883.com

(CS) Sirup Karamel Složení: třtinový cukr, voda, ochucovadlo, kyselina: kyselina citronová, barvivo: čistý karamel. Minimální trvanlivost do: viz láhev. Skladujte na chladném a suchém místě.

Valors énergetiques et nutritionnelles moyennes/ Average nutritional and energy values/ Genomsnittliga energi och näringsvärden/ Energie waarde en gemiddelde voedingswaarde/ Średnia wartość energetyczna i odżywcza/ Valores energéticos y nutricionales medios/ Valori energetici e nutrizionali medi/ Gennemsnitligt energi- og næringsindhold/ Durchschnittliche Nährwerte/ Διατροφική έηλωση/ Valori energetice si nutritionale medi/ Valores nutricionais e energéticos médios/ Průměrné výživové a energetické hodnoty	Pour / For/ För/ Voor/ Dla/ Por/ Per/ Für/ Avó/ Pentru/ Pro
	100ml
Energie/ Energy/ Energi/ Energia/ Ενέργεια	1394 kJ 328 kcal
Matières Grasses/ Fat/ Fett/ Vetter/ Tłuszcz/ Grasas/ Grassi/ Fedt/ Fett/ Λιποπά/ Grasimi/ Gordo/ Tlustý	<0,5 g
dont acides gras saturés/ of which saturated fat / varav mättat fett / waarvan verzadigde vetzuren/ w tym kwasy tłuszczowe nasycone/ de las cuales saturadas/ di cui acidi grassi saturati/ heraf mættede fedtsyrer/ davon gesättigte Fettsäuren/ εκ των οποίων κορεσμένα / din care acizi grași saturați/ da qual gordura saturada/ z toho nasycené tuky	<0,1 g
Glucides/ Carbohydrates/ Kohhydrater/ Koolhydraten/ Węglowodany/ Hidratos de carbono/ Carboidrati/ Kulhydrat/ Kohlenhydrate/ Υδατών/ Carbohidrati/ Carboidratos/ Sacharidy	82 g
dont sucres/ of which sugars/ varav socker/ waarvan suikers/ w tym cukier/ de los cuales azúcares/ di cui zucchero/ heraf sukkerrarter/ davon Zucker / εκ των οποίων σάκχαρα/ dine care zahăruri/ dos quais açúcares/ z toho cukry	81 g
Protéines/ Protein/ Proteiner/ Eiwit-ten/ Białko/ Proteínas/ Proteine/ Eiweiß/ Πρωτεϊνες/ Proteína	<0,5 g
Sel/ Salt/ Zout/ Sól/ Sal/ Sale/ Salz/ Αλάτι/ Sare/ Sól	0,02 g

Giá trị dinh dưỡng và năng lượng trung bình	Trên 100 ml
Năng lượng	1394 kJ 328 kcal
Chất béo	<0,5g
trong đó chất béo bão hòa	<0,1g
Carbohydrate	82g
trong đó lượng đường	81 g
Protein	<0,5g
Muối	0,02g

Caramel Syrup

(US) Ingredients: cane sugar, water, artificial flavor, acidifier: citric acid, color: caramel.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

Nutrition Facts

33 servings per container
Serving size 1 fl.oz (30ml)

Amount per serving
Calories 100

% Daily Value *

Total Fat 0g 0%

Sodium 0mg 0%

Total Carbohydrate 24g 9%

Total Sugars 24g

Includes 24g Added Sugars 48%

Protein 0g

Not a significant source of sat fat, trans fat, cholest, fiber, vitamin D, calcium, iron and potassium.

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.



Siro Caramel

Thành phần: Đường mía, nước, hương nhân tạo, chất tạo axit: axit citric, màu: caramel.

Hạn sử dụng: xem trên chai. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Thông tin dinh dưỡng

33 suất dùng trong mỗi hộp

Khẩu phần ăn: 1 fl.oz(30ml)

Dinh dưỡng mỗi suất

100

Calo

% Giá trị hàng ngày *

Tổng chất béo 0g

0%

Natri 0mg

0%

Tổng carbohydrate 24g

9%

Tổng lượng đường 24g

Đã thêm 24g lượng đường

48%

Protein 0g

Sản phẩm ít chất béo bão hòa, chất béo chuyển hóa, cholesterol, chất xơ, vitamin D, canxi, sắt và kali.

* % Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (DV) được tính dựa trên nhu cầu dinh dưỡng của một người trưởng thành với 2000 calories một ngày.

KSA
KOSHER

KHÔNG
HFCS

(FR) Sirop Saveur Caramel

Ingédients : Sucre de canne, Eau, Arôme, Acide citrique, Caramel ordinaire.

A consommer de préférence avant : voir sur la bouteille. A conserver dans un endroit frais et sec.

(EN) Caramel Syrup

Ingredients: Cane sugar, Water, Artificial flavor, Citric acid, Caramel.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

**Valeur nutritive
Nutrition Facts**

pour 2 c. à soupe (30mL)
Per 2 tbsp (30 mL)

Calories 100 % VQ* / % DV*

Lipides / Fat 0g 0%

Glucides / Carbohydrate 24g

Sucres / Sugars 24g 24%

Protéines / Protein 0g

Sodium 0mg 0%

Source négligeable d'autres éléments nutritifs.
Not a significant sources of other nutrients.

* VQ = valeur quotidienne

* DV = Daily Value

5/5



Siro Caramel

Thành phần: Đường mía, Nước, Hương nhân tạo, Axit Citric, Caramel.

Hạn sử dụng: xem trên chai. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Thông tin dinh dưỡng

Trên 2 muỗng canh (30 mL)

Calo 100 %DV*

Chất béo 0g 0%

Carbohydrate 24g

Đường 24g 24%

Protein 0g

Natri 0mg 0%

Không phải là nguồn cung cấp đáng kể các chất dinh dưỡng khác.

DV = giá trị hàng ngày

KSA
KOSHER

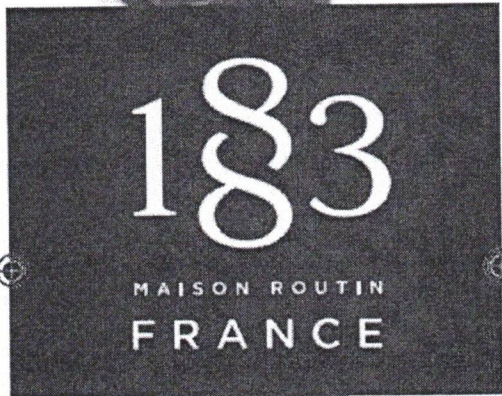
KHÔNG
HFCS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA
QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Mã số doanh nghiệp: 0314046502

Giám đốc

(Đã ký và đóng dấu)

LÊ MINH THIÊN



SIROP / SYRUP

CARAMEL

1L - 33.8 FL OZ

1883

MAISON ROUTIN
FRANCE

SAVOIR-FAIRE DES ALPES FRANÇAISES
EXPERTISE FROM THE FRENCH ALPS

1883 Maison Routin élabore et produit dans son berceau naturel, les Alpes françaises, les sirops 1883 reconnus pour leur justesse, leur pureté et leur intensité aromatiques.

1883 Maison Routin creates and produces in the brand's all-natural birthplace in the French Alps, 1883 syrups recognized for their authenticity, purity and aromatic intensity.

Sirop Saveur Caramel Caramel Syrup

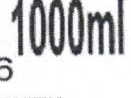
(FR) Ingrédients : sucre de canne, eau, arôme, acidifiant : acide citrique, colorant : caramel ordinaire.

(EN) Ingredients: cane sugar, water, flavouring, acid: citric acid, colouring: plain caramel.

A consommer de préférence avant : voir sur la bouteille. A conserver dans un endroit frais et sec.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

- ✓ NATURAL COLOUR
- ✓ NO PRESERVATIVES



1/5 MADE IN FRANCE by ROUTIN
Z.I. de L'Erier - 713 rue Denis Papin
73290 La Motte Servolex - www.1883.com

(SV) Karamell Sirap Ingredienser: rörsocker, vatten, arom, surhetsreglerande medel: citronsyra, färgämne: sockerkulör. Bäst före datum: se flaska. Förvara på en sval och torr plats. **(NL) Karamel Siroop** Ingrediënten : rietsuiker, water, aroma, voedingszuur : citroenzuur, kleurstof : karamel. Houdbaar tot : zie fles. Op een koele en droge plaats bewaren. **(PL) Składniki:** cukier trzcinowy, woda, aromat, kwas: kwas cytrynowy, barwnik: karmel. Najlepiej spożyć przed końcem: patrz na butelce. Przechowywać w chłodnym i suchym miejscu. **(ES) Ingredientes :** azúcar de caña, agua, aroma, acidulante : ácido cítrico, colorante : caramelo natural. Consumir preferentemente antes de : ver en la botella. Guardar en lugar fresco y seco. **(IT) Ingredienti :** zucchero di canna, acqua, aroma, acidificante : acido citrico, colorante : caramelo natural. Da consumare prima del : vedere bottiglia. Conservare in un luogo fresco e asciutto. **(DA) Karamel Syrup** Ingredienser : rørsukker, vand, aroma, surhedsregulerende middel : citronsyre, farvestof : karamel. Mindst holdbar til : se på flasken. Opbevares køligt og tørt. **(DE) Sirup mit karamellgeschmack** Zutaten : Rohrzucker, Wasser, Aroma, Säuerungsmittel : Zitronensäure, Farbstoff : Zuckerkulör. Mindestens haltbar bis Ende: siehe Flaschenhals. An einem kühlen und trockenen Platz aufbewahren. **(EL) Σιρόπι Καραμέλα** Συστατικά: ζάχαρη από ζαχαροκάλαμο, νερό, αρωματική ύλη, μέσο οξίνισης: κιτρικό οξύ, χρωστική: απλό καραμελόχρωμα. Ανάλωση κατά προτίμηση πριν από το τέλος: βλ. φιάλη. Φυλάσσετε σε δροσερό και ξηρό μέρος. **(RO) Sirop Caramel** Ingredientes: zahăr din trestie de zahăr, apă, arome, acidifiant: acid citric, coloranți: caramel simplu. A se consuma de preferință înainte: vezi pe flacon. A se păstra într-un loc răcoros și uscat. **(PT) Xarope Caramelo** Ingredientes: açúcar de cana, água, aroma, acidificante: ácido cítrico, corante: caramelo simples. A consumir de preferência antes do: ver indicação na garrafa. Guarde em local fresco e seco.

(CS) Sirup Karamel Složení: třtinový cukr, voda, ochucovadlo, kyselina: kyselina citronová, barvivo: čistý karamel. Minimální trvanlivost do: viz láhev. Skladujte na chladném a suchém místě.

Valors énergetiques et nutritionales moyennes/ Average nutritional and energy values/ Genomsnittliga energi och näringsvärden/ Energie waarde en gemiddelde voedingswaarde/ Średnia wartość energetyczna i odżywcza/ Valores energéticos y nutricionales medios/ Valori energetici e nutriionali medii/ Gennemsnitligt energi- og næringsindhold/ Durchschnittliche Nährwerte/ Διατροφική Ένηκων/ Valori energetice si nutritionale medii/ Valores nutricionais e energéticos médios/ Průměrné výživové a energetické hodnoty	Pour / For/ För/ Voor/ Dla/ Por/ Per/ Für/ Avó/ Pentru/ Pro 100ml
Energie/ Energy/ Energi/ Energia/ Ενέργεια	1394 kJ 328 kcal
Matières Grasses/ Fat/ Fett/ Vetten/ Tłuszcz/ Grasas/ Grassi/ Fedt/ Fett/ Λιπόπα/ Grasimi/ Gordo/ Tlustý dont acides gras saturés/ of which saturated fat / varav mättat fett / waarvan verzadigde vetzuren/ w tym kwasy tłuszczowe nasycone/ de las cuales saturadas/ di cui acidi grassi saturi/ heraf mættede fedtsyrer/ davon gesättigte Fettsäuren/ εκ των οποίων κορεσμένο / din care acizi grași saturati/ da qual gordura saturada/ z toho nasycené tuky	<0,5 g <0,1 g
Glucides/ Carbohydrates/ Kolhydrater/ Koolhydraten/ Węglowodany/ Hidratos de carbono/ Carboidrati/ Kulhydrat/ Kohlenhydrate/ Υδατoθήρακες/ Carbohidrat/ Carboidratos/ Sachandy dont sucres/ of which sugars/ varav socker/ waarvan suikers/ w tym cukier/ de los cuales azúcares/ di cui zuccheri/ heraf sukkerrarter/ davon Zucker / εκ των οποίων σάκχαρα/ dine care zahăruri/ dos quais açúcares/ z toho cukry	82 g 81 g
Protéines/ Protein/ Proteiner/ Eiwei-ten/ Białko/ Proteínas/ Proteine/ Eiweiß/ Πρωτεΐνες/ Proteína	<0,5 g
Sel/ Salt/ Zout/ Sól/ Sal/ Sale/ Salz/ Αλάτι/ Sare/ Sól	0,02 g

Caramel Syrup

(US) Ingredients: cane sugar, water, artificial flavor, acidifier: citric acid, color: caramel.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

Nutrition Facts

33 servings per container
Serving size 1 fl.oz (30 ml)

Amount per serving

Calories 100

% Daily Value *

Total Fat 0g 0%

Sodium 0mg 0%

Total Carbohydrate 24g 9%

Total Sugars 24g

Includes 24g Added Sugars 48%

Protein 0g

Not a significant source of sat fat, trans fat, cholest, fiber, vitamin D, calcium, iron and potassium.

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.



(FR) Sirop Saveur Caramel

Ingrédients : Sucre de canne, Eau, Arôme, Acide citrique, Caramel ordinaire.

A consommer de préférence avant : voir sur la bouteille. A conserver dans un endroit frais et sec.

(EN) Caramel Syrup

Ingredients: Cane sugar, Water, Artificial flavor, Citric acid, Caramel.

Best before end: see on bottle. Store in a cool and dry place.

**Valeur nutritive
Nutrition Facts**

pour 2 c. à soupe (30mL)
Per 2 tbsp (30 mL)

Calories 100 % VQ* / % DV*

Lipides / Fat 0g 0%

Glucides / Carbohydrate 24g

Sucres / Sugars 24g 24%

Protéines / Protein 0g

Sodium 0mg 0%

Source négligeable d'autres éléments nutritifs./
Not a significant sources of other nutrients.

* VQ = valeur quotidienne

* DV = Daily Value

5/5



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2024

Giám Đốc

LÊ MINH THIÊN

